

PHỤ LỤC 07

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN

1. Tài khoản thanh toán thông thường

STT	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Silver		Tài khoản Gold		Tài khoản Diamond		Tài khoản CBNV		Tài khoản Payroll	
			TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số
1.	Mã tài khoản		CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001	CV1001
2.	Duy trì tối thiểu (VND)		Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu
3.	Số dư trung bình/tháng (VND)		Không yêu cầu	Không yêu cầu	2.000.000 VND	2.000.000 VND	5.000.000 VND	5.000.000 VND	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu
4.	Tin nhắn OTT/tháng ¹		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
5.	SOFT OTP xác thực giao dịch/tháng ²	C01E	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
6.	Phí rút tiền tại ATM/giao dịch trong nước ³	C17C C18C	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí

¹ Miễn phí trên ATM của VAB và các ngân hàng liên minh Napas.

² Miễn phí trên ATM của VAB và các ngân hàng liên minh Napas.

³ Miễn phí trên ATM của VAB và các ngân hàng liên minh Napas.

STT	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Silver		Tài khoản Gold		Tài khoản Diamond		Tài khoản CBNV		Tài khoản Payroll	
			TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số
7.	Phí rút tiền tại ATM/giao dịch nước ngoài	C39C	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴
8.	Phí dịch vụ IB/MB/tháng	C04E	10.000 VND	10.000 VND	Miễn phí	10.000 VND	Miễn phí	10.000 VND	Miễn phí	10.000 VND	Miễn phí	10.000 VND
9.	Phí chuyển khoản nội bộ VAB trên IB/MB/giao dịch	C07E	Miễn phí	2.000 VND	Miễn phí	2.000 VND	Miễn phí	2.000 VND	Miễn phí	2.000 VND	Miễn phí	2.000 VND
10.	Phí thẻ thường niên thẻ ATM/tháng	C05C	Theo biểu phí thẻ ban hành từng thời kỳ ⁴	Theo biểu phí thẻ ban hành từng thời kỳ ⁴	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí 06 tháng đầu
11.	Phí phát hành thẻ ATM	C03C	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴	Theo quy định hiện hành ⁴ * Miễn phí phát hành thẻ ATM lần đầu	Theo quy định hiện hành ⁴

⁴ Phụ lục 04: Biểu phí dịch vụ và hạn mức giao dịch thẻ ghi nợ nội địa

STT	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Silver		Tài khoản Gold		Tài khoản Diamond		Tài khoản CBNV		Tài khoản Payroll	
			TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số	TKTT 8 số	TKTT 16 số
12.	Phí chuyển khoản liên ngân hàng Citad trên IB/MB/giao dịch	C08E	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵
13.	Phí chuyển khoản nhanh Napas 24/7 trên IB/MB/giao dịch	C10E C11E	Theo quy định hiện hành ⁵	Theo quy định hiện hành ⁵	Miễn phí	Theo quy định hiện hành ⁵	Miễn phí	Theo quy định hiện hành ⁵	Miễn phí	Theo quy định hiện hành ⁵	Miễn phí	Theo quy định hiện hành ⁵
14.	Dịch vụ SMS/tháng	C15E	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶	Gói ưu đãi	Gói ưu đãi	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶	Theo quy định hiện hành ⁶
15.	Phí quản lý tài khoản/tháng	C02E	5.000 VND	15.000 VND	30.000 VND	50.000 VND	50.000 VND	100.000 VND	Miễn phí	50.000 VND	Miễn phí	50.000 VND

2. Tài khoản thanh toán số tự chọn, tài khoản EKYC, tài khoản Tiểu thương:

STT	Tiêu chí	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Phú Quý	Tài khoản Phát Lộc	Tài khoản Phát Tài	Tài khoản Như Ý	Tài khoản Thịnh Vượng	Tài khoản EKYC	Tài khoản Tiểu thương
1	Thành phần	Mã tài khoản		CVPQ01	CVPL01	CVPT01	CVNY01	CVTV01	CV1001	CVKD01
		Duy trì tối thiểu (VND)		30.000.000	25.000.000	10.000.000	5.000.000	1.000.000	Không yêu cầu	Không yêu cầu
		Số dư trung bình/tháng (VND)		50.000.000	25.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000	Không	2.000.000

⁵ Phụ lục 03: Biểu phí dịch vụ Ngân hàng số

⁶ Phụ lục 02: Biểu phí dịch vụ SMS Banking

STT	Tiêu chí	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Phú Quý	Tài khoản Phát Lộc	Tài khoản Phát Tài	Tài khoản Như Ý	Tài khoản Thịnh Vượng	Tài khoản EKYC	Tài khoản Tiểu thương
2	Biểu phí áp dụng	Tin nhắn OTT/tháng		Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
		SOFT OTP xác thực giao dịch tháng	C01E	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
		Phí rút tiền tại ATM/giao dịch	C17C C18C	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Theo biểu phí rút tiền thẻ ATM	Miễn phí
		Phí dịch vụ IB/MB/tháng	C04E	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	10.000 VND (chưa gồm VAT)	Miễn phí
		Phí chuyển khoản nội bộ VAB trên kênh IB/MB	C07E	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí
		Phí thường niên thẻ ATM/tháng	C05C	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Theo biểu phí thẻ ban hành từng thời kỳ ⁷	Miễn phí
		Phí phát hành thẻ ATM	C03C	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷	Theo quy định hiện hành ⁷
		Phí chuyển khoản liên ngân hàng Citad trên IB/MB/giao dịch	C08E	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸	Theo quy định hiện hành ⁸
		Phí chuyển khoản nhanh Napas 24/7 trên IB/MB/giao dịch	C10E C11E	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí	Miễn phí

⁷ Phụ lục 04: Biểu phí dịch vụ và hạn mức giao dịch thẻ ghi nợ nội địa⁸ Phụ lục 03: Biểu phí dịch vụ ngân hàng số

STT	Tiêu chí	Nội dung	Mã phí	Tài khoản Phú Quý	Tài khoản Phát Lộc	Tài khoản Phát Tài	Tài khoản Như Ý	Tài khoản Thịnh Vượng	Tài khoản EKYC	Tài khoản Tiểu thương
		Dịch vụ SMS/tháng	C15E	Chỉ áp dụng với gói ưu đãi ⁹ (không áp dụng với các gói SMS khác)					Theo quy định hiện hành ⁹	Theo quy định hiện hành ⁹
		Phí quản lý tài khoản/tháng	C02E	1.000.000 VND	500.000 VND	200.000 VND	100.000 VND	50.000 VND	5.000 VND	20.000 VND

Ghi chú:

- Các loại phí chưa bao gồm thuế VAT 10% (hoặc theo quy định VAB ban hành trong từng thời kỳ)
- Phí rút tiền tại ATM/giao dịch trong nước: Bao gồm tại ATM VAB và ATM Ngân hàng liên minh (logo Napas)
 - a) Phí quản lý tài khoản :
 - Đối với Tài khoản Silver, Ekyk: Thu phí phát sinh hàng tháng.
 - Đối với Tài khoản Gold và Tài khoản Diamond, Tài khoản tiểu thương: Thu phí nếu KH không đạt số dư trung bình/tháng.
 - Đối với Tài khoản Payroll: Miễn phí.
 - b) Phí quản lý tài khoản số tự chọn: Thu phí nếu KH không đạt số dư trung bình/tháng.
 - Số dư tối thiểu sẽ được phong tỏa chỉ được chấm dứt phong tỏa và sử dụng để thanh toán các loại phí (phí mua tài khoản số tự chọn, phí quản lý tài khoản...) khi số dư trong TKTT không đủ để thanh toán các loại phí (nếu có) theo quy định của VAB.
 - Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày KH mở tài khoản số đẹp, nếu KH không thực hiện đúng cam kết, VAB sẽ thực hiện thu phí theo mức phí niêm yết bán tài khoản số tự chọn.
 - c) Các phí nằm ngoài danh mục phí theo biểu phí thì VAB tự thỏa thuận bằng hình thức cụ thể với khách hàng để thu phí trên cơ sở cung cầu thị trường. Mức phí thỏa thuận sẽ được ghi cụ thể trong giấy nộp tiền/ủy nhiệm chi hoặc các chứng từ tương đương khác.
 - d) Lãi suất của các loại tài khoản thanh toán tại Biểu phí này áp dụng theo mức lãi suất không kỳ hạn của Biểu lãi suất huy động tiền gửi khách hàng cá nhân ban hành trong từng thời kỳ.

⁹ Phụ lục 02: Biểu phí dịch vụ SMS banking